

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUEKính gửi : - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
To: - State Securities Commission of Vietnam

1. Tên Công ty quản lý quỹ: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI**
Fund Management Company: **SGI CAPITAL MANAGEMENTS JOINT STOCK COMPANY**

2. Tên Ngân hàng giám sát: **Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa**
Supervising bank: **Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Nam Ky Khoi Nghia Branch**

3. Tên Quỹ: **QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG BALLAD VIỆT NAM**
Fund name: **THE BALLAD VIETNAM GROWTH EQUITY FUND**

4. Kỳ báo cáo: **Từ 27/12/2022 đến 02/01/2023**
Reporting Period: **From 27-Dec-2022 to 02-Jan-2023**

5. Ngày lập báo cáo: **03/01/2023**
Reporting Date: **3-Jan-2023**

Đơn vị tính: VND
Unit: VND**Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng tuần/Weekly report on change of net asset value**

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	KỲ BÁO CÁO NÀY THIS PERIOD 02/01/2023	KỲ BÁO CÁO TRƯỚC LAST PERIOD 26/12/2022
I	Giá trị tài sản ròng (NAV) Net Asset Value		
1	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ Net Asset Value at the beginning of period		
1.1	của quỹ/per Fund	86.398.270.251	87.075.164.073
1.2	của một chứng chỉ quỹ/per Fund certificate	7.251,75	7.307,22
2	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ Net Asset Value at the end of period		
2.1	của quỹ/per Fund	86.695.871.063	86.398.270.251
2.2	của một chứng chỉ quỹ/per Fund certificate	7.276,72	7.251,75
3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ, trong đó: Change of NAV during period, in which:		
3.1	Thay đổi do biến động thị trường và các hoạt động giao dịch của quỹ trong kỳ Change of NAV due to market fluctuation and the fund's investment during the period	297.600.812	(660.896.632)
3.2	Thay đổi giá trị tài sản ròng liên quan tới nhà đầu tư trong kỳ Change of NAV related to investors during the period	-	(15.997.190)
3.2.1	Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ Change of NAV due to profit distribution to investors during the period	-	-
3.2.2	Thay đổi do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ Change of NAV due to subscription, redemption during the period	-	(15.997.190)
4	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trong kỳ so với kỳ trước Change of NAV per Fund certificate during period in comparison with the last period	24,97	55,47
5	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/Lowest NAV within the latest 52 weeks		
5.1	Giá trị cao nhất (VND)/Highest value (VND)	124.664.585.740	124.664.585.740
5.2	Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest value (VND)	82.745.948.834	82.745.948.834
6	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng đối với quỹ niêm yết) Foreign Investors' Ownership Ratio (not applicable for listed fund)		
6.1	Số lượng chứng chỉ quỹ/Number of Fund Certificates	129.675,35	129.675,35
6.2	Tổng giá trị/Total value	943.611.213	940.373.219
6.3	Tỷ lệ sở hữu/Ownership Ratio	1,09%	1,09%

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
Authorised Representative of Supervisory BankĐại diện có thẩm quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ
Authorised Representative of Fund Management CompanyNgân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN
CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Hoàng Văn Sơn
Phó Giám đốc Chi nhánh

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư SGI